

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HẸM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



# BẢN CÁO BẠCH

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02/06/2008)



## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM

(Đăng ký niêm yết số: 223/ĐKNY do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM cấp  
ngày 20 tháng 10 năm 2010)



**Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:**

**1. Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn**

Địa chỉ: Số 97, Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 552 354 Fax: (84-8) 39 550 424

Website: [www.capnuoccholon.com.vn](http://www.capnuoccholon.com.vn)

**2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS)**

Địa chỉ: Số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 39 144 290

Fax: (84-8) 39 142 295

Website: [www.ors.com.vn](http://www.ors.com.vn)

Email: [ors@ors.com.vn](mailto:ors@ors.com.vn)

**Phụ trách công bố thông tin:**

Họ tên: **PHẠM MẠNH ĐỨC**

Chức vụ: **Giám đốc**

Số điện thoại: (84-8) 39 557 358

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 02/06/2008)



## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn  
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông  
Mệnh giá : **10.000** (Mười ngàn) đồng  
Tổng số lượng niêm yết : **13.000.000** (Mười ba triệu) cổ phiếu  
Giá niêm yết : **12.500** (Mười hai ngàn năm trăm) đồng/cổ phiếu.  
Tổng giá trị niêm yết : **130.000.000.000** (Một trăm ba mươi tỷ) đồng

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

#### 1. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38 272 295 Fax: (84-8) 38 272 300

#### 2. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN – TƯ VẤN ĐẤT VIỆT (VIETLAND)

Địa chỉ: 02 Huỳnh Khương Ninh, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (84-8) 39 105 401 Fax: (84-8) 39 105 402

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

#### CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)

Địa chỉ: Số 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 39 144 290 Fax: (84-8) 39 142 295

Email: [www.ors@ors.com.vn](mailto:www.ors@ors.com.vn) Website: [www.ors.com.vn](http://www.ors.com.vn)

# MỤC LỤC

<b>Phần I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>1</b>
1. <i>Rủi ro kinh tế</i> .....	1
2. <i>Rủi ro về luật pháp</i> .....	1
3. <i>Rủi ro đặc thù</i> .....	1
4. <i>Rủi ro khác</i> .....	2
<b>Phần II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH .....</b>	<b>3</b>
1. <i>Tổ chức niềm yết</i> .....	3
2. <i>Tổ chức tư vấn</i> .....	3
<b>Phần III. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>3</b>
<b>Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIỀM YẾT .....</b>	<b>4</b>
1. <i>Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển</i> .....	4
2. <i>Cơ cấu tổ chức công ty</i> .....	6
3. <i>Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty</i> .....	6
4. <i>Danh sách cổ đông</i> .....	9
5. <i>Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niềm yết</i> .	11
6. <i>Hoạt động kinh doanh</i> .....	11
7. <i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i> .....	20
8. <i>Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành</i> .....	23
9. <i>Chính sách đối với người lao động</i> .....	24
10. <i>Chính sách cổ tức</i> .....	26
11. <i>Tình hình hoạt động tài chính</i> .....	26
12. <i>Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng</i> .....	29
13. <i>Tài sản</i> .....	38
14. <i>Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo</i> .....	39
15. <i>Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức</i> .....	40
16. <i>Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niềm yết</i> .....	40
17. <i>Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niềm yết</i> .....	40
<b>Phần V. CHỨNG KHOÁN NIỀM YẾT .....</b>	<b>40</b>
1. <i>Loại chứng khoán</i> .....	40
2. <i>Mệnh giá</i> .....	40
3. <i>Tổng số chứng khoán niềm yết</i> .....	40
4. <i>Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niềm yết</i> .....	41
5. <i>Phương pháp tính giá</i> .....	41
6. <i>Giá niềm yết dự kiến</i> .....	44
7. <i>Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài</i> .....	44
8. <i>Các loại thuế có liên quan</i> .....	44
<b>Phần VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIỀM YẾT.....</b>	<b>47</b>
1. <i>Tổ chức Tư vấn</i> .....	47
2. <i>Tổ chức Kiểm toán</i> .....	48
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>48</b>



## Phần I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

### 1. Rủi ro kinh tế

Kinh tế xã hội nước ta đang trên đà phát triển ổn định và vững chắc về mọi mặt, cơ sở hạ tầng đang trong giai đoạn xây dựng - hình thành, ngày càng nhiều doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam,... Đây chính là những động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự tăng trưởng tất cả các ngành trong nền kinh tế nói chung và của ngành cung cấp nước sạch nói riêng. Mặc dù vậy, nền kinh tế luôn luôn phải đối đầu với những khó khăn thách thức lớn như khủng hoảng kinh tế toàn cầu, khu vực, bất ổn chính trị, bệnh dịch, hạn hán, thiên tai, bão lụt nghiêm trọng, ... Là một công ty hoạt động trong ngành cung cấp nước sạch nên hoạt động kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng từ sự tăng trưởng hoặc trì trệ của cả nền kinh tế nói chung.

Tuy nhiên, do sản phẩm chính của Công ty là cung cấp nước sạch (đây là sản phẩm thiết yếu cho người tiêu dùng) nên rủi ro về kinh tế sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty là không cao.

### 2. Rủi ro về luật pháp

Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn được hình thành từ việc Cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty chịu điều chỉnh của Luật doanh nghiệp các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời hiện tại, Công ty là công ty đại chúng nên cũng chịu sự chi phối của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Vì vậy, sự thay đổi chính sách về mặt Nhà nước sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp. Mặt khác, các quy định pháp luật, các văn bản luật và dưới luật có liên quan vẫn còn đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra, có khả năng ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

### 3. Rủi ro đặc thù

#### a. Rủi ro đặc thù ngành

Nguyên vật liệu đầu vào chính của Công ty là nguồn nước sạch được cung cấp bởi Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn, giá nước đầu vào do Tổng Công ty quy định theo từng thời kỳ phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật. Vì vậy, giá nước đầu vào sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công

ty. Hiện tại, công ty thường xuyên kiểm tra, nâng cấp hệ thống phân phối nước nhằm giảm thiểu thất thoát nước nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

**b. Rủi ro về lãi suất**

Biến động lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí sử dụng vay vốn của Công ty hiện tại và trong tương lai, đặc biệt khi Công ty có nhu cầu vay vốn để đáp ứng nhu cầu đầu tư và phát triển sản xuất kinh doanh.

**c. Rủi ro về nhân lực và năng lực quản lý**

Tính chất của ngành cấp nước là luôn cần một lực lượng lớn công nhân lao động có tay nghề, do đó rủi ro về thiếu hụt nhân lực có chất lượng có thể xảy ra. Tuy nhiên, Công ty luôn chuẩn bị những nguồn lao động dự phòng thường xuyên để tuyển dụng và có hướng đào tạo nâng cao trình độ của lực lượng lao động, đồng thời có những chế độ đãi ngộ kịp thời để hạn chế những biến động về nguồn nhân lực.

Bên cạnh đó, các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty là những cán bộ có trình độ, có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành cấp nước, thường xuyên được đào tạo hoặc tự đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao năng lực quản lý; cán bộ cấp trung đa số là những cán bộ trẻ, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chịu khó học hỏi và năng động trong công việc. Đặc điểm của nguồn nhân lực này là ít biến động, do đó rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực quản lý cấp cao và cấp trung là thấp.

**4. Rủi ro khác**

Ngoài ra các yếu tố rủi ro kể trên, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty như: các hiện tượng thiên tai, hạn hán, bão lụt, dịch bệnh, hỏa hoạn, v.v... không chỉ xảy ra ở trong nước mà còn ở nước ngoài.

## Phần II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

(Ông) Trần Đình Phú	:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ông) Phạm Mạnh Đức	:	Giám đốc
(Ông) Lê Trọng Hiếu	:	Phó Giám đốc
(Bà) Lê Thị Thanh Tâm	:	Phó Giám đốc
(Bà) Lại Thị Thu	:	Kế toán trưởng
(Bà) Nguyễn Tú Anh	:	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

Người đại diện:

Bà: **Vũ Hồng Hạnh** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (ORS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn cung cấp.

## Phần III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	:	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn
CMND	:	Giấy chứng minh nhân dân
ĐKKD	:	Giấy đăng ký kinh doanh
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
BKS	:	Ban kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
CP	:	Chi phí
DN	:	Doanh nghiệp
TSCĐ	:	Tài sản cố định
BCTC	:	Báo cáo tài chính của Công ty
ĐVT	:	Đơn vị tính

## Phần IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### a. Tên, địa chỉ tổ chức niêm yết

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN  
Tên tiếng anh : CHO LON WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY  
Tên viết tắt : CHOLON WASUCO JSC  
Logo :



Địa chỉ : Địa chỉ: Số 97, Phạm Hữu Chí, Phường 12, Quận 5, Tp.HCM.  
Điện thoại : (84-8) 38 552 354 Fax: (84-8) 39 550 424  
Mã số thuế : 0304797806  
Email : [cncholon@capnuocholon.com.vn](mailto:cncholon@capnuocholon.com.vn)  
Website : [www.capnuocholon.com.vn](http://www.capnuocholon.com.vn)  
Tài khoản : 6220211450066 Ngân hàng NN&PTNT Chợ Lớn – PGD Hòa Bình, TP.HCM  
Vốn điều lệ : 130.000.000.000 đồng.

#### b. Ngành nghề kinh doanh

- Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước; cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng, sản xuất (trên địa bàn được phân công theo quyết định của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn);
- Tư vấn xây dựng công trình cấp nước - dân dụng – công nghiệp (trừ khảo sát xây dựng, giám sát thi công);
- Xây dựng công trình cấp nước;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, lập dự án, thẩm tra thiết kế;
- Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước;
- Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành cấp nước;
- Đại lý, ký gửi hàng hóa;

#### c. Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn trước kia là Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn trực thuộc Công ty cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn), được thành lập theo quyết định số 202/QĐ-TCNSTL ngày 31/07/1991 của Sở Giao thông Công chánh Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn có con dấu riêng để giao dịch theo quy định của Nhà nước. Chi nhánh cấp nước Chợ

Lớn chính thức đi vào hoạt động ngày 28/03/1995 với chức năng: quản lý, thi công, tu bổ sửa chữa, cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước, thực hiện việc đọc số và thu tiền nước, giải quyết các khiếu nại của khách hàng trên địa bàn quận 5, 6, 8, Bình Tân và huyện Bình Chánh.

- Bắt đầu từ tháng 02/2004 áp dụng Quy chế phân cấp quản lý trong Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh số 832/QĐ-CN-TCLĐTL ngày 09/02/2004, Chi nhánh được hạch toán các khoản thu chi đối với Công ty cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh, hàng tháng lập kế hoạch cấp vốn và báo về Công ty cấp nước Thành phố Hồ Chí Minh bảng cân đối tài khoản phát sinh và các bảng kê tài khoản chi tiết.
- Ngày 24/04/2005 Chi nhánh chính thức bổ sung thêm ngành tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và công trình khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 302149 ngày 28/03/1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- Thực hiện chủ trương thành lập Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con, ngày 04/04/2005, Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 1437/QĐ-UB thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp của các Công ty Nhà nước thuộc Công ty cấp nước TP.HCM, trong đó có Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn.
- Ngày 31/08/2005 Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn ra quyết định số 66/QĐ-TCT-TC thành lập Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn trực thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn.
- Ngày 30/12/2005 Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh ra quyết định số 6656/QĐ-UBND, phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn thành Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn.
- Ngày 29/03/2006 Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn tổ chức bán đấu giá cổ phần ra công chúng (thông qua Trung tâm giao dịch chứng khoán).
- Ngày 01/11/2006 tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập (phiên trừ bị). Ngày 02/12/2006 tổ chức Đại hội đồng cổ đông (phiên chính thức), bầu 07 thành viên HĐQT, 05 thành viên BKS và thông qua Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn.
- Ngày 16/01/2007 Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn được Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.HCM cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16/01/2007.
- Từ ngày 01/02/2007 Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn chính thức đi vào hoạt động.

d. Quá trình tăng vốn điều lệ tính từ khi cổ phần hóa

Từ khi cổ phần hóa đến nay chưa tăng vốn điều lệ.



## e. Thành tích đạt được

Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn được Chủ tịch UBND thành phố Hồ Chí Minh tặng cờ thi đua và công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc 02 năm liên tục 2007 – 2008.

**2. Cơ cấu tổ chức công ty**

- Danh sách các chi nhánh bao gồm các thông tin

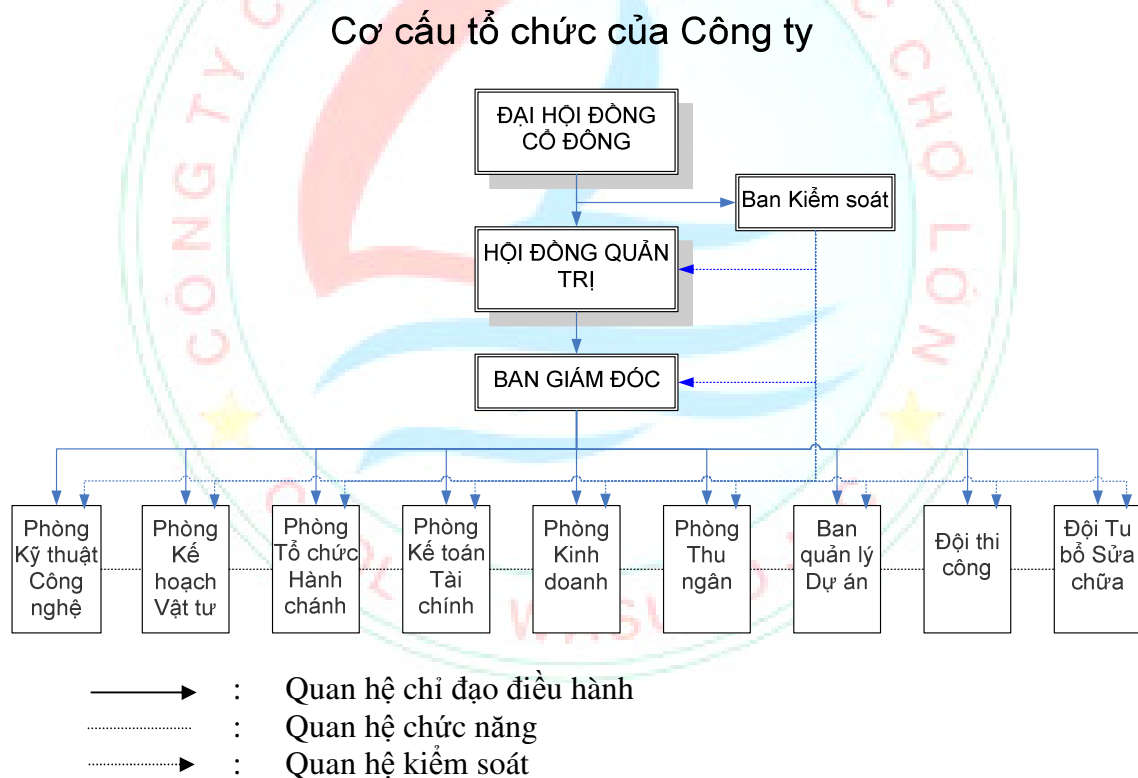
Không có

- Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty

Không có

**3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty**

- Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



- Chức năng nhiệm vụ từng phòng, ban, đội.

**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất trong Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty về tình hình hoạt động kinh doanh và quản lý

Công ty, quyết định các phương án phát triển dài hạn của Công ty, sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty, bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và theo pháp luật hiện hành.

### ***Hội đồng quản trị***

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

### ***Ban kiểm soát***

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 5 người do ĐHĐCĐ bầu ra, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 5 năm.

### ***Ban Giám đốc***

Ban điều hành hiện tại của Công ty gồm có một Giám đốc, hai Phó Giám đốc. Giám đốc, hai Phó Giám đốc, và Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Giám đốc là 5 năm. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty có quyền và nghĩa vụ điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, và chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

### ***Phòng Tổ chức Hành chính***

Quản trị nhân sự: Xây dựng các văn bản định chế trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, nhân sự, lao động – tiền lương, theo đúng quy định của pháp luật; Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực; Chế độ tiền lương cho người lao động; Công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật;

Quản lý, điều hành công tác hành chính – văn phòng, công tác văn thư – lưu trữ; Giám sát tính thẩm quyền và hình thức văn bản trong việc soạn thảo, ban hành các văn bản hành chính của đơn vị; Quản lý tài sản, nhà xưởng, đất đai; An toàn bảo hộ lao động; Phòng chống cháy nổ; Công tác bảo vệ trật tự an toàn cơ quan; Công tác bảo vệ nội bộ.

### ***Phòng Kế hoạch Vật tư***

Lập kế hoạch ngắn hạn và dài hạn về cung ứng, dự trữ vật tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty những năm đã thực hiện; Tham mưu cho Giám đốc trong công tác liên doanh, liên kết, hợp tác kinh doanh trong phạm vi được phép kinh doanh của Công ty; Nghiên cứu chủ trương, giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư mở rộng thị trường.

Thẩm định hồ sơ xây dựng cơ bản theo qui định phân cấp; Công tác thanh quyết toán hồ sơ xây dựng cơ bản theo qui định phân cấp gồm: Kiểm tra hồ sơ thanh toán khối lượng theo quy định của Công ty; Kiểm tra hồ sơ quyết toán các công trình theo các mặt: pháp lý, tiến độ, khối lượng và chất lượng.

### ***Phòng Kế toán***

Giám sát, kiểm tra và tổ chức thực hiện công tác tài chính và hạch toán kế toán của Công ty theo đúng những quy định của pháp luật hiện hành, cũng như thực hiện chế độ báo cáo tài chính cho Công ty theo đúng qui định hiện hành.

Kiến nghị kế hoạch về tài chính, tín dụng và nhu cầu về vốn để phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Quản trị nội bộ về hiệu quả hoạt động của các bộ phận khác trong Công ty.

### ***Phòng Kỹ thuật Công nghệ***

Quản lý, bảo trì, sửa chữa mạng cung cấp nước của Công ty bao gồm: Xây dựng định mức vật tư thiết bị bảo trì hệ thống cấp nước, Quản lý kỹ thuật trên mạng cung cấp nước (hệ thống van, ổ khóa, outlet,...).

Tham mưu cho Ban điều hành công tác quy hoạch phát triển nguồn nước và mạng lưới cung cấp nước và các dự án khác mà Công ty được phép kinh doanh.

### ***Phòng Kinh doanh***

Thống kê sản lượng nước đã cung cấp cho khách hàng; Lập kế hoạch bảo quản, thay đổi đồng hồ nước định kỳ và theo yêu cầu của khách hàng; Kiểm tra tình hình sử dụng nước, đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến khách hàng; Quản trị hệ thống mạng máy tính, hệ thống thông tin nội bộ của Công ty.

### ***Phòng Thu ngân***

Tổ chức thực hiện thu tiền khách hàng theo địa bàn được phân công quản lý. Báo cáo định kỳ cho Ban điều hành của Công ty về tình hình thu tiền trong kỳ, khách hàng chậm thanh toán và kế hoạch truy thu những khách hàng chậm thanh toán.

**Ban quản lý Dự án**

Quản lý, theo dõi và phối hợp với các bên liên quan để thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty nhằm đảm bảo các dự án được hoàn thành theo đúng tiến độ.

**Đội Tu bổ Sửa chữa**

Chịu trách nhiệm quản lý và tu bổ sửa chữa hệ thống cấp nước trong phạm vi được phân công, quản lý các thiết bị thi công cơ giới và vật tư.

**Đội Thi công**

Lập phương án, tiến độ thi công theo quy định của Nhà nước trong việc tổ chức thi công, đảm bảo việc thi công các công trình theo đúng tiến độ và thiết kế được duyệt. Đề xuất với Ban điều hành về những giải pháp thay đổi thiết kế cũng như quy trình thực hiện các dự án nhằm mang lại lợi ích của Công ty.

**4. Danh sách cổ đông**

a. Cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 31/03/2010

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	CMND/Số ĐKKD	Số cổ phần sở hữu	
				Cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn (Đại diện: 1. Ông Trần Đình Phú 2. Ông Phạm Mạnh Đức 3. Ông Lê Trọng Hiếu 4. Bà Lê Thị Thanh Tâm)	Số 1 Công Trường Quốc tế, Quận 3, TP.HCM	4106000102	6.630.400	51,003
2	Ngân hàng thương mại cổ phần Phương Nam (Đại diện: Ông Võ Việt Trung)	279 Lý Thường Kiệt, P.15, Q.11, TP.HCM	059056	1.420.000	10,923
<b>Tổng cộng</b>				<b>8.050.400</b>	<b>61,926</b>

b. Danh sách cổ đông sáng lập

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005924 ngày 16/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, danh sách cổ đông sáng lập như sau.



STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Vốn Nhà nước : Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn <b>Đại diện:</b>	Số 1 Công Trường Quốc tế, Quận 3, TP.HCM	6.630.400	51,00%
	- Trần Đình Phú	: 1.657.600 cổ phần		
	- Phạm Mạnh Đức	: 1.657.600 cổ phần		
	- Lê Trọng Hiếu	: 1.657.600 cổ phần		
	- Lê Thị Thanh Tâm	: 1.657.600 cổ phần		
2	Ngân hàng Thương mại CP Phương Nam <b>Đại diện:</b>	279 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, Tp. HCM	1.300.000	10%
3	Công ty cổ phần địa ốc Chợ Lớn	118 Hưng Phú, Phường 8, Quận 8, Tp.HCM	300.000	2,31%
4	Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á	130 Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Tp.HCM	276.652	2.13%
5	Và 515 Cổ đông khác		4.492.948	34,56%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>13.000.000</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty

Theo Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định thì trong thời hạn 3 năm, kể từ ngày 16/01/2007 cổ đông sáng lập chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn nêu trên các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ. Như vậy, đến thời điểm hiện tại, các quy định về hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ.

c. Cơ cấu cổ đông (tính đến thời điểm 31/03/2010)

STT	Tên cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	% vốn điều lệ
<b>I.</b>	<b>Trong nước</b>	<b>554</b>	<b>12.995.000</b>	<b>129.950.000.000</b>	<b>99,96%</b>
	Tổ chức	6	8.938.192	89.381.920.000	68,76%
	Cá nhân	548	4.056.808	40.568.080.000	31,20%
	<b>Trong đó:</b>				
	1. Cổ đông nhà nước	1	6.630.400	66.304.000.000	51,00%
	2. Cổ đông trong Công ty	218	2.472.848	24.728.480.000	19,02%
	- HĐQT, BGD, BKS	8	2.022.652	20.226.520.000	15,56%
	- CBCNV	210	450.196	4.501.960.000	3,46%
	- Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-

	3. Cổ đông bên ngoài	335	3.891.752	38.917.520.000	29,94%
<b>II</b>	<b>Nước ngoài</b>	<b>1</b>	<b>5000</b>	<b>50.000.000</b>	<b>0,04%</b>
	Tổ chức	-	-	-	-
	Cá nhân	1	5000	50.000.000	0,04%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>555</b>	<b>13.000.000</b>	<b>130.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết**
**a. Danh sách công ty nắm cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết**
**Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn**

Địa chỉ: Số 01 Công Trường Quốc Tế, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại: (84-8) 38 291 777 – 38 231 090 Fax: (84-8) 38 241 644

Số cổ phần sở hữu 6.630.400 cổ phần, tỷ lệ sở hữu 51,003%

**b. Danh sách công ty tổ chức niêm yết nắm cổ phần chi phối**

Không có

**6. Hoạt động kinh doanh**
**a. Sản lượng sản phẩm**

STT	Nội dung	ĐVT	2008	2009
<b>A</b>	<b>KINH DOANH</b>			
1.	Sản lượng (bao gồm sản lượng BOO Thủ Đức)	1.000m <sup>3</sup>	59.726	64.028
2.	Tỷ lệ thực thu	%	99	99
3.	Giá bán bình quân	Đồng/m <sup>3</sup>	4.600	4.683
4.	Gắn mới đồng hồ nước	Cái	13.800	15.800
5.	Dời đồng hồ nước	Cái	1.100	1.207
6.	Thay đồng hồ nước	Cái	27.000	27.033
<b>B</b>	<b>CÔNG TÁC QUẢN LÝ MẠNG LƯỚI CẤP NƯỚC</b>			
1.	Công tác sửa bể	Điểm	7.501	6.424
2.	Sửa chữa coi van	Cái	275	1.041
<b>C</b>	<b>CÔNG TÁC XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>			
1.	Phát triển mạng lưới cấp nước	Mét	104.983	73.081
2.	Cải tạo ống mục	Mét	22.164	20.813

Công ty đã hoàn thiện công tác cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực với phương châm hành động “*Xây dựng văn hóa doanh nghiệp*”, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng với khẩu hiệu “lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo lợi nhuận của Công ty”, cơ cấu lại tổ chức nhân sự phù hợp với tình hình thực tế của từng

đơn vị mang lại hiệu quả đáng kể. Khối lượng thực hiện công việc của năm 2009 rất lớn và cấp bách, việc thành lập đội thi công đã đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Công ty, tốc độ và khối lượng phát triển mới khách hàng tăng nhanh, gần mới được 15.800 đồng hồ nước vượt 3.800 so với chỉ tiêu kế hoạch 2009 ( đạt 131,67% ), vượt 2.000 đồng hồ nước so với chỉ tiêu năm 2008.

Công ty đã hoàn thiện công tác đọc số bằng máy hand-held, mạnh dạng thay đổi phương pháp quản lý quy trình đọc số, sắp xếp lịch trình đọc số hợp lý, theo dõi, kiểm tra đơn đốc nhân viên đọc số đúng lộ trình, đọc đúng, đọc đủ chỉ số, đọc số ngoài giờ, tính chính xác lượng nước tiêu thụ của khách hàng, sử dụng hao phí lao động hợp lý, tăng năng suất lao động, tiết giảm được 04 lao động trong khi số đồng hồ trên mạng tăng thêm 10,54% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả sản lượng tiêu thụ trong năm 2009 là **64.028.000 m<sup>3</sup>**, vượt 2,77% kế hoạch năm (tăng thêm 4.302.000 m<sup>3</sup> so với sản lượng trong năm 2008 đạt 59.726.000 m<sup>3</sup>).

Công ty tổ chức trực sửa bể 24/24 và giải quyết ngay khi có sự cố xảy ra, nhất là khi nhà máy nước Tân Hiệp tăng, giảm công suất phát nước. Khắc phục sự cố ô nhiễm cục bộ, thường xuyên khoanh vùng súc xả định kỳ mạng cấp 3, lắp đặt họng xả nước bảo đảm chất lượng nước phục vụ nhân dân được ổn định và liên tục.

Thực hiện thường xuyên công tác dò bể ngầm, bể nổi để khắc phục rò rỉ với 6.424 điểm được sửa chữa, hoàn tất việc sửa chữa nâng van 729 điểm tại khu vực Quận 5 để phục vụ chương trình giảm nước không doanh thu. Thường xuyên cập nhật họa đồ mạng lưới cấp nước, vẽ lại sơ đồ van, phục vụ công tác kiểm tra hệ thống cấp nước và đóng mở nước khi cần thiết.

Về công tác phát triển mạng lưới cấp nước cũng như cải tạo ống mực, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2009, tuy nhiên chỉ tiêu này lại giảm so với chỉ tiêu năm 2008. Công ty luôn lập kế hoạch thực hiện cho từng dự án và theo dõi chặt tiến độ để có biện pháp điều chỉnh, khắc phục kịp thời nhằm đẩy nhanh thực hiện các dự án và đúng tiến độ thi công.

#### Cơ cấu Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
	Doanh thu	Giá vốn	Doanh thu	Giá vốn	Doanh thu	Giá vốn
Doanh thu cung cấp nước	277,466	256,446	307,193	286,460	203,916	183,444
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2,939	2,805	12,161	5,989	5,966	6,771
<b>Cộng</b>	<b>280,405</b>	<b>259,251</b>	<b>319,354</b>	<b>292,449</b>	<b>209,882</b>	<b>190,215</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

Trong năm 2009, Công ty đã gấn được 15.800 đồng hồ nước, vượt 3.800 đồng hồ nước so với kế hoạch. Nâng số danh bộ quản lý trên mạng lên 163.269 đồng hồ nước – tăng 10.54% so với năm 2008, nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch từ 83.7% năm 2008 lên 85.08% năm 2009. Điều này làm cho sản lượng nước tiêu thụ năm 2009 tăng 4.108.883m<sup>3</sup>, tỷ lệ tăng 7.2%, do đó doanh thu cung cấp nước tăng 29.727 triệu đồng, tỷ lệ tăng là 10.7%

Năm 2008, thực hiện theo nghị định 117/NĐ-CP, Cty CP Cấp Nước Chợ Lớn đã thực hiện gấn miễn phí 13.800 đồng hồ nước với tổng vốn đầu tư là 16.5 tỷ đồng. Chi phí gấn đồng hồ nước miễn phí này do Công ty chịu và không được cơ cấu vào giá nước, khoản chi phí này sẽ được phân bổ dần vào các năm tiếp theo. Vì vậy năm 2008, doanh thu gấn mới đồng hồ nước hầu như không có mà chủ yếu là thu từ việc bồi thường, dời đồng hồ nước. Năm 2009, để giải quyết khó khăn tạm thời về vốn, Công ty đã trình Hội đồng quản trị về việc tạm ngưng gấn đồng hồ nước miễn phí đối với khách hàng không nằm trong kế hoạch năm 2009 cho đến khi ban hành giá nước mới. Như vậy trong năm 2009, khách hàng có nhu cầu gấn đồng hồ nước sẽ phải thanh toán chi phí gấn đồng hồ nước. Với chủ trương này, doanh thu cung cấp dịch vụ cho việc gấn đồng hồ nước đã tăng đáng kể so với năm 2008.

Giá vốn cung cấp nước năm 2009 tăng so với năm 2008 là 29.241 triệu đồng chủ yếu do sản lượng nước tăng 4.108.883 đồng, tỷ lệ tăng 10.7% và giá mua sỉ nước sạch tăng 163.499 đồng/m<sup>3</sup>. Giá vốn cung cấp dịch vụ trong năm 2009 khá cao so với năm 2008 do Công ty phải gánh chi phí gấn đồng hồ nước miễn phí của năm 2008 và năm 2009, khoản chi phí này không được Tổng công ty Cấp Nước Sài Gòn tính vào giá bán sỉ nước sạch.

Theo Quyết định số 103/2009/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12/2009 của UBNDTP về việc điều chỉnh giá nước sạch trên địa bàn TP.HCM thì khoản chi phí gấn đồng hồ nước cho khách hàng sẽ được Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn tính vào giá mua sỉ nước sạch. Do đó khoản chi phí gấn đồng hồ nước sẽ giảm trong các quý tiếp theo của năm 2010.

#### Cơ cấu lãi gộp qua các năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

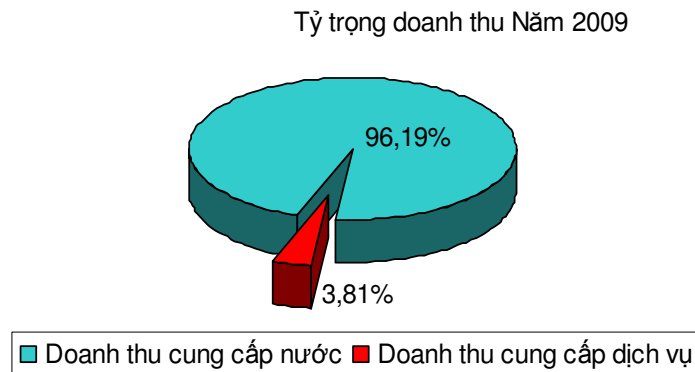
Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Lãi gộp cung cấp nước	21,020	20,733	20,472
Lãi gộp cung cấp dịch vụ	134	6,172	(805)
<b>Tổng cộng</b>	<b>21,154</b>	<b>26,905</b>	<b>19,667</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

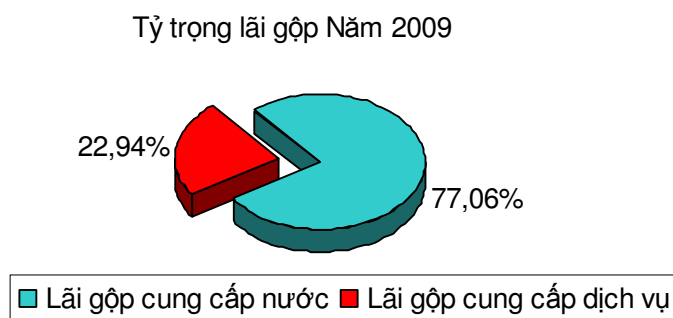


Với những biến động trong doanh thu cũng như giá vốn của năm 2008, 2009, và quý II/2010 thì lãi gộp đã có sự biến động tương ứng. Lãi gộp cung cấp nước năm 2009 giảm 287 triệu đồng so với năm 2008, tỷ lệ giảm 1.37%. Tuy nhiên lãi gộp cung cấp dịch vụ năm 2009 lại tăng 6.038 triệu đồng so với năm 2008, tỷ lệ tăng 4.406%. Và lãi gộp quý II/2010 đạt 58% so với kế hoạch năm 2010.

Biểu đồ tỷ trọng doanh thu năm 2009

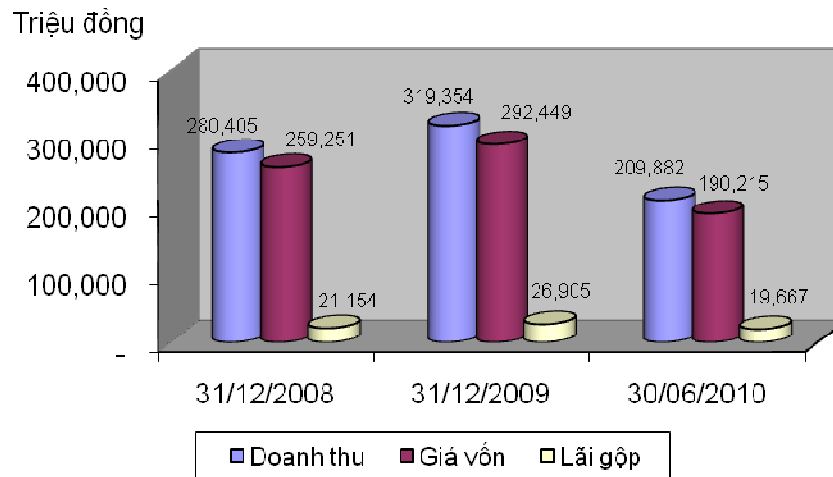


Biểu đồ tỷ trọng lãi gộp năm 2009



Biểu đồ Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và lãi gộp qua các năm

## DOANH THU, GIÁ VỐN, LÃI GỘP QUA CÁC NĂM



## b. Nguyên vật liệu

## - Nguồn nguyên vật liệu

Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn là Công ty chuyên thực hiện việc phân phối nước đến từng đối tượng tiêu dùng trong khu vực. Nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Vì vậy, sản phẩm hàng hóa để công ty tiến hành hoạt động kinh doanh luôn ổn định.

## - Sự ổn định của các nguồn cung cấp này

Để đáp ứng nhu cầu phục vụ ngày càng tốt hơn cho người tiêu dùng, Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn sẽ phối hợp với các Đơn vị thành viên, trong đó bao gồm cả Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn, đầu tư nâng cấp hệ thống phân phối nước nhằm giảm việc thất thoát nước cũng như tạo sự ổn định lâu dài cho việc cung cấp nước cho người tiêu dùng.

## - Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Giá nước cung cấp ra cho người tiêu dùng áp dụng theo quy định của Nhà nước, giá nước đầu vào thì do Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn quyết định. Vì vậy, việc định giá nước bán ra cũng như giá nước mà Tổng Công ty cung cấp cho Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## c. Chi phí sản xuất

## - Chi phí sản xuất theo bộ phận

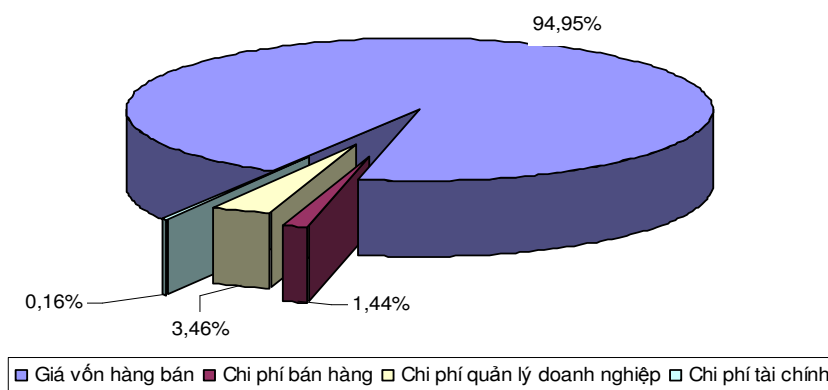
ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2008		31/12/2009		Tăng giảm		30/06/2010	
	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %	Giá trị	Tỷ lệ %
Giá vốn hàng bán	259,251	92.5%	292,448	91.6%	33,197	12.8%	190,214	90.63%
Chi phí bán hàng	4,529	1.6%	4,437	1.4%	(92)	-2.0%	2,063	0.98%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,065	3.6%	10,649	3.3%	584	5.8%	5,684	2.71%
Chi phí tài chính	53	0.0%	484	0.2%	431	813.2%	422	0.20%
<b>Cộng</b>	<b>273,898</b>	<b>97.7%</b>	<b>308,018</b>	<b>96.5%</b>	<b>34,120</b>	<b>12.5%</b>	<b>198,383</b>	<b>94.52%</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

### Biểu đồ chi phí sản xuất

Tỷ trọng chi phí sản xuất năm 2009



Tỷ lệ chi phí giá vốn hàng bán trên doanh thu thuần giảm từ 92,5% năm 2008 xuống 91,6% năm 2009, chủ yếu là giá nước bán đầu ra tăng nhanh hơn giá mua nước đầu vào.

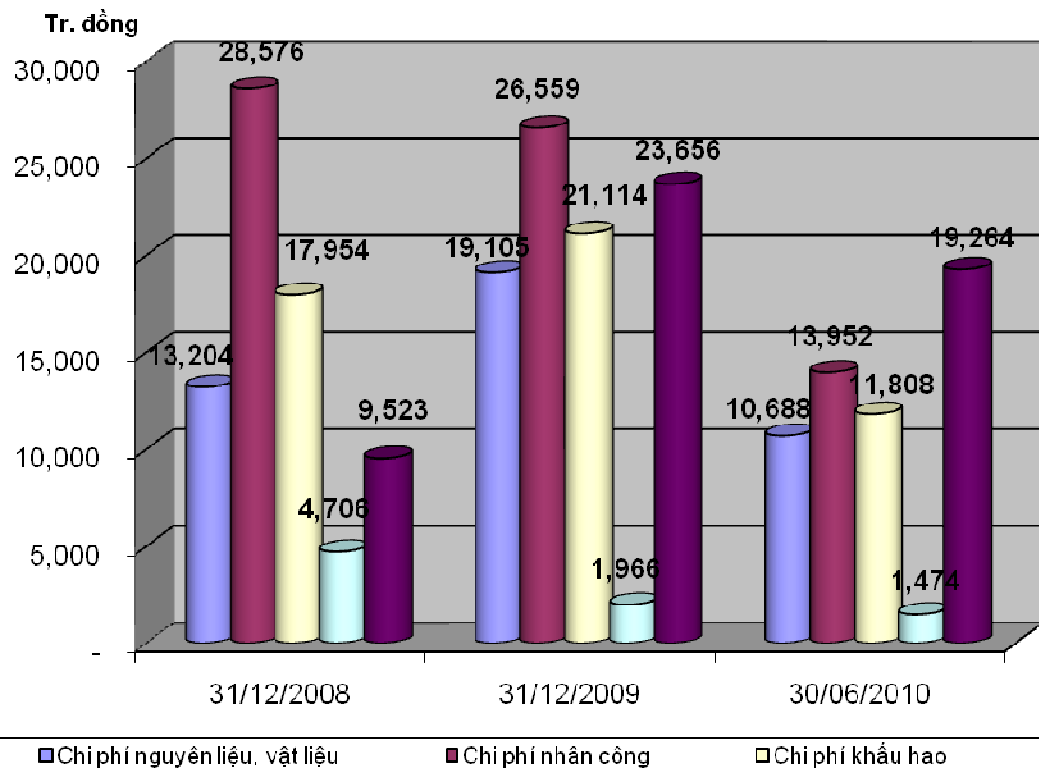
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2009 biến động không đáng kể so với năm 2008, và doanh thu thuần năm 2009 tăng 14% so với năm 2008 làm cho tỷ trọng chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần năm 2009 giảm so với năm 2008 (chi phí bán hàng trên doanh thu thuần giảm từ 1,6% năm 2008 giảm xuống còn 1,4% năm 2009. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 3,6% năm 2008 xuống còn 3,3% năm 2009).

- Chi phí sản xuất theo yếu tố

ĐVT: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2008		31/12/2009		Tăng giảm		30/06/2010	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13,204	17.9%	19,105	20.7%	5,901	44.7%	10,688	18.7%
Chi phí nhân công	28,576	38.6%	26,559	28.7%	(2,017)	-7.1%	13,952	24.4%
Chi phí khấu hao	17,954	24.3%	21,114	22.9%	3,160	17.6%	11,808	20.6%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,706	6.4%	1,966	2.1%	(2,740)	-58.2%	1,474	2.6%
Chi phí khác	9,523	12.9%	23,656	25.6%	14,133	148.4%	19,264	33.7%
<b>Tổng cộng</b>	<b>73,963</b>	<b>100%</b>	<b>92,400</b>	<b>100%</b>	<b>18,437</b>	<b>24.9%</b>	<b>57,186</b>	<b>100.0%</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

**Biểu đồ chi phí yếu tố qua các năm**


- Chi phí nguyên vật liệu năm 2009 tăng 5,9 tỷ chủ yếu là do khối lượng nước tiêu thụ năm 2009 tăng.
- Các khoản mục chi phí yếu tố khác biến động phù hợp với sự tăng trưởng doanh thu của Doanh nghiệp.



**d. Trình độ công nghệ**

Nguồn nước đầu vào của công ty là mua từ Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. Tổng công ty cấp nước Sài Gòn quản lý mạng lưới phân phối nước cấp 1, cấp 2, Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn quản lý mạng lưới phân phối cấp 3 để phân phối nước đến người tiêu dùng. Hiện tại, công ty đang áp dụng công nghệ súc rửa đường ống như:

- Phương pháp truyền thống: súc rửa dùng khí kết hợp với áp lực nước hoặc các phương pháp cơ khí kết hợp với hóa chất.
- Phương pháp mới: lau chùi đường ống cấp nước bằng công nghệ Polly- Pigs, công nghệ này có những ưu điểm như: chi phí đầu tư vừa phải, lau ống nhanh và lượng nước để súc rửa tốn ít hơn rất nhiều so với các công nghệ truyền thống.

Công ty thực hiện định kỳ việc súc rửa đường ống để đảm bảo nước cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng.

Nhận thức được vai trò quan trọng của công nghệ thông tin trong quá trình hoạt động và phát triển, Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn đã mạnh dạn đầu tư để ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình sản xuất kinh doanh và quản lý doanh nghiệp:

- Áp dụng chương trình quản lý công văn đi – đến bằng phần mềm Edocman, triển khai thực hiện từ tháng 9/2007.
- Áp dụng chương trình đọc số bằng thiết bị cầm tay (Handheld), triển khai thực hiện từ tháng 10/2007.
- Áp dụng phương pháp súc xả tuyến ống cấp nước bằng cục mút (polypig).

**e. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới**

Hiện tại, công ty đang tập trung nâng cấp mạng lưới cung cấp nước nhằm giảm thiểu thất thoát nước nâng cao hiệu quả kinh doanh, đồng thời đăng ký thêm ngành nghề kinh doanh mới như giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước, mua bán máy móc thiết bị, vật tư ngành cấp nước, đại lý ký gửi hàng hóa.

**f. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

- Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng: Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn hiện đang quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn 1329/2002/BYT/QĐ của Bộ Y tế.
- Phòng Kỹ thuật Công nghệ của Công ty phối hợp với Nhà máy nước Tân Hiệp kiểm tra định kỳ 1 tháng 1 lần về chất lượng nước cung cấp cho khách hàng, kiểm tra mạng lưới cung cấp nước nhằm khắc phục kịp thời tình trạng thất thoát nước.

g. Công tác phục vụ khách hàng nhằm mở rộng thị trường

- thực hiện tốt các dịch vụ cung cấp nước đối với khách hàng, xây dựng hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn quốc tế ISO. Khai thác tốt và có hiệu quả khách hàng tiềm năng. Nghiên cứu mở rộng các loại hình kinh doanh nước sạch.
- Cải thiện thủ tục hành chính, phối hợp tốt với chính quyền địa phương, tổ chức hội nghị khách hàng 1 năm/1 lần.
- Xây dựng các quy trình công việc hợp lý đảm bảo 1 cửa, nhanh gọn, đầy đủ, công khai và đồng bộ.

h. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo :



Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 127447 do Bộ Khoa học và Công nghệ - Cục Sở hữu trí tuệ cấp theo Quyết định số 12467/QĐSHTT ngày 17/06/2009.

i. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết (nêu tên, trị giá, thời gian thực hiện, sản phẩm, đối tác trong hợp đồng)

Stt	Số hợp đồng	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến hoàn thành	Sản phẩm	Đối tác
1	1262/HĐ-CNCL-KHVT	1.165.568.140	Quý 2 năm 2010	Công trình cấp nước	Ban QLDA Khu vực Đầu tư & Xây dựng Quận 8
2	2342/HĐ-CNCL-KHVT	613.957.000	Quý 2 năm 2010	Công trình cấp nước	Ban QLDA Đại lộ Đông Tây và Môi trường nước Thành phố
3	2579/HĐ-CNCL-KHVT	178.071.000			
4	1264/HĐ-CNCL-KHVT	166.718.000	Quý 2 năm 2010		
5	1161/HĐ-CNCL-KHVT	141.132.000	Quý 2 năm 2010		

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- a. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong 2 năm gần nhất

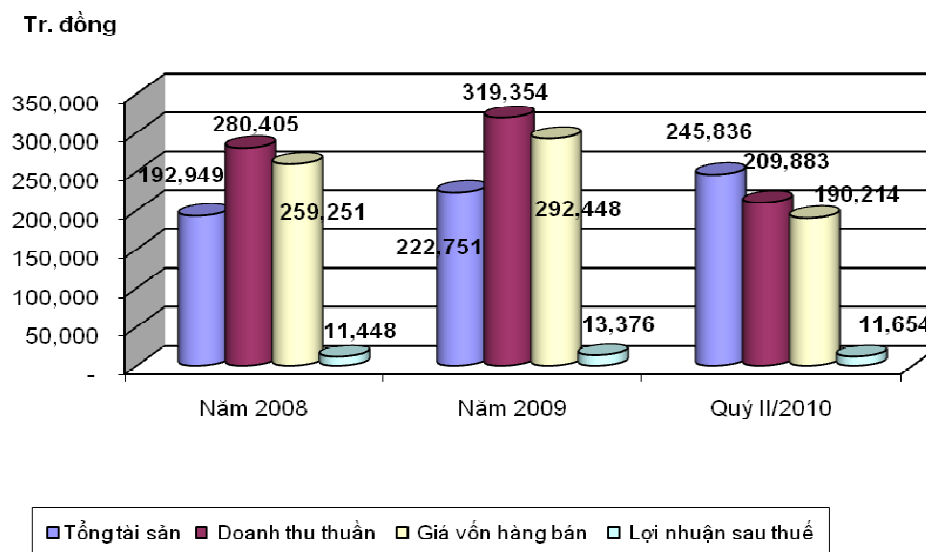
Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2008	31/12/2009	Chênh lệch		30/06/2010
				Giá trị	%	
1	Tổng tài sản	192,949	222,751	29,802	15.4%	245,836
2	Doanh thu thuần	280,405	319,354	38,949	13.9%	209,883
3	Giá vốn hàng bán	259,251	292,448	33,197	12.8%	190,214
4	Chi phí tài chính	53	484	431	813.2%	422
5	Chi phí bán hàng	4,529	4,437	(92)	-2.0%	2,063
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,065	10,649	584	5.8%	5,684
7	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	10,950	13,940	2,990	27.3%	13,186
8	Lợi nhuận khác	2,328	1,537	(791)	-34.0%	8
9	Lợi nhuận trước thuế	13,278	15,477	2,199	16.6%	13,194
10	Lợi nhuận sau thuế	11,448	13,376	1,928	16.8%	11,654
11	Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	4.67%	7.00%	2.33%	49.9%	-
12	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	53.03%	68.03%	15.00%	28.3%	-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

(\*): Cổ tức năm 2009 sẽ do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 quyết định, Hội đồng quản trị dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 cho cổ tức năm 2009 là 7% trên mệnh giá cổ phần.

Biểu đồ kết quả hoạt động kinh doanh



Lợi nhuận năm 2009 tăng 16,8% so với năm 2008 tương đương mức tăng là 1,9 tỷ đồng chủ yếu là do doanh thu năm 2009 tăng so với năm 2008 13,9% (tương đương mức tăng

là 38,9 tỷ đồng), trong khi đó vốn hàng bán chỉ tăng 12,8% (tương đương mức tăng là 33,2 tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng doanh thu cao hơn giá vốn chủ yếu là do giá nước bán cho khách hàng theo quy định của nhà nước tăng nhanh hơn tốc độ tăng của giá nước mua đầu vào.

Doanh thu năm 2009 so với năm 2008 tăng 13.9%, nhưng do công ty có những chính sách quản lý sản xuất kinh doanh phù hợp nên các chi phí khác (chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp) không biến động đáng kể so với năm 2008, việc này góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

b. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

#### ***Các nhân tố khó khăn***

- Năm 2009 là năm thứ 3 Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần nên cơ cấu tổ chức và hoạt động đang trong quá trình hoàn thiện, tiếp tục triển khai ứng dụng phần mềm công nghệ thông tin trong quản lý quá trình sản xuất kinh doanh.
- Một số hệ thống cấp nước của Công ty đã đầu tư từ trước năm 1975 nên đã xuống cấp và thất thoát nước nhiều.
- Nguồn nước đầu vào là do Tổng công ty cấp nước Sài Gòn cung cấp với giá nước đầu vào do Tổng công ty quy định theo từng thời điểm nên ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.

#### ***Các nhân tố thuận lợi***

- Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế của cả nước, dân cư sống tập trung cao, mức sống của dân cư tại Thành phố cũng tương đối cao so với mức sống bình quân của cả nước. Vì vậy, có thể nói hoạt động cung cấp nước sạch tại Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều thuận lợi hơn so với địa phương khác, điều này đảm bảo sự ổn định và tăng trưởng doanh thu của đơn vị trong năm nay cũng như các năm tới.
- Địa bàn kinh doanh của công ty thuộc các quận huyện có tốc độ đô thị hóa cao của Thành phố. Ngoài khu vực Quận 8, Quận Bình Tân, Huyện Bình Chánh đang hình thành nhiều khu dân cư tập trung, khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ... sự phát triển trên là cơ hội lớn để Công ty phát triển nhanh chóng.
- Sản phẩm của Công ty là sản phẩm thiết yếu cho người tiêu dùng và không có sản phẩm thay thế.



- Công ty được hình thành từ Chi Nhánh cấp nước Chợ lớn nên kế thừa nhiều kinh nghiệm trong việc điều hành và quản lý hệ thống cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước, mở rộng mạng lưới tiêu thụ.
- Ngoài ra Công ty còn nhận được quan tâm, hỗ trợ của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn và các cơ quan ban ngành, chính quyền địa phương các cấp.

c. Ý kiến của kiểm toán viên về báo cáo tài chính

**Báo cáo kiểm toán năm 2008**

- Chúng tôi chưa nhận được đối chiếu công nợ tại thời điểm ngày 31/12/2008 với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn liên quan đến các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác với số tiền là 10.623.262.922 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra được tính đúng đắn của những khoản công nợ này bằng các thủ tục kiểm toán khác.
- Doanh thu của hoạt động cung cấp nước được ghi nhận căn cứ vào khối lượng nước sử dụng theo chỉ số trên đồng hồ nước và thời điểm ghi nhận chỉ số nước sử dụng thường không trùng với thời điểm kết thúc niên độ.
- Công ty chưa ghi nhận khoản lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu tính đến thời điểm ngày 31/12/2008 với số tiền ước tính là 911.530.670 đồng.
- Khoản chi phí gắn mới đồng hồ nước không thu tiền khách hàng áp dụng theo nghị định số 117/2007/NĐ-CP do Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 11/7/2007 chưa được hạch toán vào chi phí với số tiền 8.610.349.264 đồng.

d. Giải trình của Công ty về ý kiến của Kiểm toán

- Về khoản mục công nợ với Tổng công ty cấp nước Sài Gòn đến ngày 31/12/2008 là 10.623.262.922 mà kiểm toán viên ngoại trừ. Tuy nhiên, theo Báo cáo kiểm toán năm 2009, kiểm toán viên đã làm rõ và xác nhận số dư công nợ này.
- Về doanh thu của hoạt động cung cấp nước: Chu kỳ đọc số và thu tiền của Công ty Cổ phần cấp nước Chợ Lớn là từ ngày 21 tháng này đến 20 tháng sau. Một năm in hóa đơn và hạch toán doanh thu 12 kỳ tương ứng với lịch đọc số và thu tiền nêu trên. Việc xác định doanh thu và hạch toán như trên mang tính chu kỳ và gói đầu giữa các năm nên không ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty, và kiểm toán viên đã xác nhận việc ghi nhận này là hợp lý trên báo cáo kiểm toán năm 2009.

- Khoản lãi tiền gửi: Đến thời điểm ngày 31/12/2008 chúng tôi chưa nhận được bảng tính chi tiết về khoản lãi tiền gửi của Ngân hàng nên chúng tôi chưa có cơ sở chắc chắn cũng như chứng từ để hạch toán khoản này vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm 2008. Khoản này chúng tôi đã hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính trong 6 tháng đầu năm 2009 khi có chứng từ tính toán khoản tiền lãi này của Ngân hàng. Kiểm toán viên đã xác nhận việc ghi nhận này là hợp lý trên báo cáo kiểm toán năm 2009.
- Khoản chi phí gán mới đồng hồ nước: Khoản phí gán mới đồng hồ nước theo NĐ117/2007/NĐ-CP. Thực chất là khoản phí được phân bổ vào chi phí trong nhiều năm. Thời gian sẽ được công ty cân đối để phân bổ phù hợp thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị. Năm 2008, Công ty đã hạch toán vào phí 4.238.937.791 đồng, số tiền còn phải phân bổ trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn (TK 242) là 8.610.349.264 đồng sẽ được phân bổ tiếp vào các năm 2009, năm 2010. Kiểm toán viên đã xác nhận việc ghi nhận này là hợp lý trên báo cáo kiểm toán năm 2009.

## 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### a. Vị thế công ty trong ngành

Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn là đơn vị có số lượng đồng hồ nước quản lý trên mạng là lớn nhất trong 6 công ty cổ phần cấp nước và 2 đơn vị trực thuộc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn. Tính đến tháng 6/2009, Công ty có hơn 152.000 khách hàng với sản lượng nước tiêu thụ vào khoảng 170.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Địa bàn kinh doanh của Công ty (theo phân cấp quản lý của Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn) khá lớn với 5 quận, huyện gồm Quận 5, 6, 8, Bình Tân và Bình Chánh. Trong đó một số khu vực có tốc độ đô thị hóa cao, khu đô thị Nam Sài Gòn với quy mô phát triển 500.000 dân, khu vực Quận Bình Tân và huyện Bình Chánh đã và đang hình thành nhiều khu dân cư tập trung, khu công nghiệp ..... Sự phát triển trên đòi hỏi nhu cầu cấp nước to lớn, tạo cho Công ty có cơ hội phát triển nhanh chóng.

### b. Triển vọng phát triển ngành

Tình hình kinh tế xã hội của cả nước nói chung và đặc biệt là của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng ngày càng có sự tăng trưởng rõ rệt. Thu nhập của người dân ngày càng tăng. Điều này tác động đến cách tiêu dùng của người dân, tâm lý chi tiêu nhiều hơn đối với các sản phẩm thiết yếu, trong đó có nước sạch đáp ứng cho nhu cầu hàng ngày.

Ngoài ra, theo kế hoạch phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh cho đến năm 2020, ngành cấp nước Thành phố sẽ phát triển mạnh các nguồn cung cấp nước, bao gồm nhiều thành phần kinh tế tham gia. Việc tăng trưởng mạnh nguồn cung cấp nước sạch một mặt gắn liền với việc gia tăng dân số, mặt khác đây là chủ trương chung của Thành phố trong việc nâng cao tỷ lệ dùng nước sạch của người dân. Đây là tín hiệu tốt cho thấy thị trường cung cấp nước đến người tiêu dùng ngày càng tăng trưởng mạnh.

c. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phát triển khách hàng, phối hợp phát triển mạng lưới, tập trung phát triển ở các khu dân cư mới như Quận Bình Tân và Huyện Bình Chánh.
- Lập kế hoạch và phân bổ thực hiện công tác xây dựng cơ bản theo từng quý, từng giai đoạn, chủ động trong công tác chuẩn bị hồ sơ và đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công các công trình. Chú trọng đến giám sát đúng khối lượng và chất lượng.
- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác có liên quan và địa phương để phối hợp thực hiện việc mở rộng thị trường.
- Đa dạng hóa và sử dụng hiệu quả nguồn vốn vay của khách hàng, của Tổng Công ty hoặc các nguồn vốn khác trong công tác xây dựng cơ bản.

9. Chính sách đối với người lao động

a. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2009

Bộ phận	Trình độ	Số người			Tỷ trọng
		Nam	Nữ	Cộng	
Khối văn phòng	Đại học	35	24	59	16,67
	Cao đẳng, trung cấp	22	14	36	10,17
	Lao động phổ thông	13	20	33	9,32
Khối sản xuất trực tiếp	Đại học	14	-	14	3,95
	Cao đẳng, Trung cấp	18	-	18	5,09
	Lao động phổ thông	194	-	194	54,80
<b>Tổng cộng</b>		<b>296</b>	<b>58</b>	<b>354</b>	<b>100</b>

**b. Các chính sách đối với người lao động**

- Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty được ban hành phù hợp với Bộ Luật Lao động, trên tinh thần đảm bảo công bằng, minh bạch, khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty và tạo động lực nâng cao năng suất, chất lượng và tinh thần trách nhiệm trong công việc. Tiền lương của người lao động tại Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn gồm có 2 phần là lương cơ bản và lương khoán theo năng suất lao động và chất lượng công việc.
- Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động còn được hưởng phụ cấp tiền cơm và các khoản phụ cấp, trợ cấp khác tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bao hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, vấn đề chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được quan tâm. Ngoài ra, nhằm tạo sự gắn bó giữa người lao động với Công ty, bên cạnh việc thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định lao động, Công ty còn quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động qua các chương trình tham quan nghỉ mát, tổ chức các buổi họp mặt, tặng quà .vv... nhân dịp lễ, Tết.
- Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên tận tâm, nhiệt huyết và đầy năng lực, chính sách tuyển dụng của Công ty luôn hướng đến việc đa dạng hóa nguồn ứng viên nhằm lựa chọn những ứng viên tốt nhất vào vị trí phù hợp dựa trên khả năng, trình độ, năng lực, kinh nghiệm của ứng viên khi tham gia dự tuyển, không phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo. Nhân viên mới được Công ty tuyển dụng cũng được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ theo quy định của Công ty và được tạo điều kiện để nhân viên mới hội nhập và thích ứng với môi trường và công việc.
- Công ty đặc biệt chú trọng đến vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cho nhân viên. Ngoài việc tạo điều kiện để nhân viên tự học tập nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp và phục vụ khách hàng, thực hiện đúng phương châm “Lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo lợi nhuận của Công ty”. Trong 2 năm 2007 – 2008, Công ty đã tổ chức khá nhiều khóa đào tạo dưới nhiều hình thức: mời giảng viên trường đại học về Công ty giảng dạy, nói chuyện chuyên đề, gửi nhân viên đi học các khóa đào tạo nâng cao nghiệp vụ (XDCB, kế toán, chống thất thoát nước...), đào tạo nội bộ, tổ chức các buổi hội thảo để nhân viên học hỏi kinh nghiệm từ các nhân viên đi trước.

## 10. Chính sách cổ tức

Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước, trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và quy định của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó, mức cổ tức này được ĐHĐCĐ thông qua căn cứ theo đề nghị của HĐQT.

Đại hội đồng Cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Hội đồng quản trị có thể thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của Công ty.

Chính sách cổ tức của công ty qua các năm như sau: năm 2007 là 7%, Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 cổ tức 8,15% (trong đó trích từ lợi nhuận năm 2007 là 3,48%, lợi nhuận năm 2008 là 4,67%), cổ tức năm 2009 do đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 quyết định dự kiến là khoản 7%-8%. Cổ tức cho các năm tiếp theo dự kiến khoản từ 7,5%-9%/mệnh giá cổ phiếu/năm.

## 11. Tình hình hoạt động tài chính

### c. Các chỉ tiêu cơ bản

#### - Trích khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao tài sản cố định được áp dụng phù hợp với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 12/12/2003, số năm khấu hao cụ thể các tài sản cố định của Công ty như sau:

STT	Loại tài sản cố định	Số năm khấu hao
1.	Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
2.	Máy móc thiết bị	5 – 10
3.	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
4.	Phương tiện truyền dẫn	10 – 30
5.	Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 8



- Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên của công ty tăng qua các năm. Thu nhập bình quân của công nhân viên năm 2009 là 5,9 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập cán bộ công nhân viên của Công ty được đánh giá là cao so với mức trung bình ngành.

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	31/12/2008	31/12/2009
Tổng chi phí lương và thưởng	29.323	29.510
Các khoản khác trả cho người lao động	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>29.323</b>	<b>29.510</b>
<b>Thu nhập bình quân/người/tháng</b>	<b>5,9</b>	<b>5,9</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn

- Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty hiện không có các khoản nợ phải thanh toán quá hạn nào. Đến thời điểm ngày 30/06/2010 Công ty không có khoản nợ phải trả nào quá hạn.

- Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản thuế khác theo các quy định của Nhà nước.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2,055	-	639
Thuế thu nhập cá nhân	235	191	125
Phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	2,904	4,374	5,629
<b>Tổng cộng</b>	<b>5,194</b>	<b>4,565</b>	<b>6,393</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

- Chính sách dự phòng

Công ty thực hiện chính sách dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

- Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ. Khoản trích này không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ này bằng 25% vốn điều lệ của Công ty. Các quỹ khác được trích theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Tổng dư nợ vay

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
	Giá trị	%/tổng vay	Giá trị	%/tổng vay	Giá trị	%/tổng vay
Vay ngắn hạn	-	0.0%	-	0.0%	-	0.0%
Vay dài hạn	1,099	97.6%	10,419	90.6%	11,016	91.0%
Vay dài hạn đến hạn trả	27	2.4%	1,087	9.4%	1,087	9.0%
<b>Tổng dư nợ có bảo lãnh</b>	-	<b>0.0%</b>	-	<b>0.0%</b>	-	<b>0.0%</b>
<b>Tổng dư nợ vay</b>	<b>1,126</b>	<b>100.0%</b>	<b>11,506</b>	<b>100.0%</b>	<b>12,103</b>	<b>100.0%</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

- Tình hình công nợ hiện nay

Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn
Phải thu khách hàng	1,781	23	2,767	217	8,559	217
Trả trước cho người bán	11,826	-	7,103	-	6,802	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Các khoản phải thu khác	4,396	-	4,083	-	-	-
<b>Tổng các khoản phải thu</b>	<b>18,003</b>	<b>23</b>	<b>13,953</b>	<b>217</b>	<b>5,167</b>	
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(23)</b>		<b>(217)</b>		<b>20,528</b>	<b>217</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

Các khoản phải trả ngắn hạn: Đến thời điểm ngày 30/06/2010 Công ty không có các khoản phải trả ngắn hạn quá hạn, chi tiết các khoản phải trả ngắn hạn như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn
Phải trả người bán	7,094	-	4,789	-	13,417	-
Người mua trả tiền trước	3,380	-	10,911	-	4,450	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5,193	-	4,565	-	6,393	-
Phải trả người lao động	3,491	-	5,985	-	3,448	-
Chi phí phải trả	-	-	2,567	-	7,750	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23,981	-	19,581	-	32,974	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>43,139</b>	<b>-</b>	<b>48,398</b>	<b>-</b>	<b>68,432</b>	<b>-</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

Các khoản phải trả dài hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chi tiêu	31/12/2008		31/12/2009		30/06/2010	
	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn	Giá trị	Quá hạn
Phải trả dài hạn khác	3,829	-	7,982	-	9,731	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	276	-	378	-	319	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,105</b>	<b>-</b>	<b>8,360</b>	<b>-</b>	<b>10,050</b>	<b>-</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

d. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1.28	1.45	1.28
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1.11	1.31	1.17
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.25	0.31	0.37
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.33	0.44	0.59
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	41.51	39.67	25.81
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	145.33	143.37	85.38
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				

+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4.08	4.19	5.55
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	7.85	8.99	7.40
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5.93	6.00	4.74
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần.	%	3.91	4.37	6.28

**Nguồn:** BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

## 12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 12.1. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Ông: **Trần Đình Phú** – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính : Nam  
 Ngày sinh : 09/08/1954  
 Nơi sinh : Sài Gòn  
 Số CMND : 020042868 cấp ngày 08/12/2003 tại CA.Tp.HCM  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Địa chỉ thường trú : 256/9 Tân Phước, Phường 6, Quận 10, Tp.HCM  
 Số điện thoại liên lạc : 0903723211  
 Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ Quản trị kinh doanh  
 Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
10/1997	1978	Cán bộ kỹ thuật XN Xây dựng số 3 – Bộ Xây dựng
1979	1985	Chuyên trách công tác đoàn – Bộ Xây dựng
1986	1986	Phó ban Công nghiệp Thành Đoàn
1987	1991	Trưởng Ban công nghiệp kiêm Giám đốc trung tâm sáng tạo KHKT trẻ
1992	1993	Phó Bí thư Thành đoàn
1994	2002	Phó Giám đốc kiêm Chủ tịch công đoàn Sở khoa học công nghệ môi trường và Đại biểu HDNNTP khóa IV từ năm 1989 đến 1994
2002	2006	Phó Giám đốc Sở Giao thông công chánh
2006	Nay	Tổng giám đốc Tổng công ty cấp nước Sài Gòn
01/2007	Nay	Tổng giám đốc Tổng công ty cấp nước Sài Gòn kiêm Chủ tịch HĐQT CTCPCN Chợ Lớn Tổng giám đốc Tổng công ty cấp nước Sài Gòn kiêm Chủ tịch HĐQT CTCPCN Phú Hòa Tân.
04/2007	Nay	Tổng giám đốc Tổng công ty cấp nước Sài Gòn kiêm Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Nước ngầm Sài Gòn

Chức vụ công tác hiện nay tại : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Tổng Giám đốc Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn**, Chủ tịch HĐQT CTCPCN Phú Hòa Tân, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên Nước ngầm Sài Gòn

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **1.657.600** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện : **1.657.600** cổ phần, chiếm 12,75% vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng công ty cấp nước Sài Gòn)

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

**2. Ông: Trần Văn Châu** – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : **Nam**  
Ngày sinh : **23/01/1955**  
Nơi sinh : **Quận 10, Tp.HCM**  
Số CMND : **024200023** cấp ngày **05/04/2008** tại **CA Tp.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **285/55 Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **0903800355**  
Trình độ chuyên môn : **Kỹ sư xây dựng, cử nhân kinh tế**

Quá trình công tác

<b>Từ năm</b>	<b>Đến năm</b>	<b>Chức danh</b>
1975	2005	Phó, Trưởng phòng Kế hoạch Công ty 75 Bộ Quốc phòng
2005	2007	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn
2007	2008	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn
2008	Nay	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn
T12/2006	Nay	Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : **Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn**

Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn**Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **300.000** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ
- Đại diện : **300.000** cổ phần, chiếm **2,31%** vốn điều lệ (Đại diện cho Công ty cổ phần Địa ốc Chợ Lớn)

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không****3. Ông: Phạm Mạnh Đức** – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Giới tính : **Nam**  
Ngày sinh : **15/01/1955**  
Nơi sinh : **Phú Yên**  
Số CMND : **020132132** cấp ngày **15/06/1994** tại **CA Tp.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **482/138 Lê Quang Định, P.11, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **(08) 38552354 – 39556370**  
Trình độ chuyên môn : **Kỹ sư xây dựng, cử nhân QTKD**

Quá trình công tác

<b>Từ năm</b>	<b>Đến năm</b>	<b>Chức danh</b>
1992	2000	Trưởng ban Kế hoạch Kỹ thuật – XN thi công
2001	T3/2003	Phó Giám đốc Chi nhánh cấp nước Phú Hòa Tân
T4/2003	T3/2004	Giám đốc Chi nhánh cấp nước Phú Hòa Tân



T4/2004	T1/2007	Giám đốc Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
T12/2006	Nay	Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn
T01/2007	Nay	Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : **Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn**  
Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **1.670.600** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **13.000** cổ phần, chiếm **0,10%** vốn điều lệ
- Đại diện : **1.657.600** cổ phần, chiếm **12,75%** vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn)

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

4. Ông: **Lê Trọng Hiếu** – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Giới tính : **Nam**

Ngày sinh : **24/12/1974**

Nơi sinh : **Sông Bé**

Số CMND : **022816436** cấp ngày **26/12/2006** tại **CA Tp.HCM**

Quốc tịch : **Việt Nam**

Dân tộc : **Kinh**

Địa chỉ thường trú : **285/5<sup>A</sup> Bình Đông, Phường 14, Quận 8, Tp. HCM**

Số điện thoại liên lạc : **0908446615**

Trình độ chuyên môn : **Kỹ sư xây dựng, kỹ sư CTN**

Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
1997	1999	Nhân viên phòng KHKTVT- Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
1999	2003	Đội phó đội TBSC - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2003	2004	Phó phòng KHKTVT - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2004	2004	Trưởng phòng KHKTVT - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2004	2006	Phó Giám đốc – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
T12/2006	Nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn
T1/2007	Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : **Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn**  
Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **1.658.400** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **800** cổ phần, chiếm **0,01%** vốn điều lệ
- Đại diện : **1.657.600** cổ phần, chiếm **12,75%** vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn)

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

5. Bà: **Lê Thị Thanh Tâm** – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc

Giới tính : **Nữ**  
Ngày sinh : **04/03/1969**  
Nơi sinh : **Hà Nội**  
Số CMND : **022714596** cấp ngày **02/12/2005** tại **CA Tp.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **116 Trần Minh Quyền, Phường 11, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.**  
Số điện thoại liên lạc : **0909274279**  
Trình độ chuyên môn : **Cử nhân kinh tế**  
Quá trình công tác

<b>Từ năm</b>	<b>Đến năm</b>	<b>Chức danh</b>
1990	1994	Nhân viên tổ kiểm tra – Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
1995	1999	Tổ trưởng hành thu (Đội thu tiền nước) - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2000	2003	Đội phó đội thu tiền - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2003	2004	Đội trưởng đội thu tiền - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2004	2006	Phó Giám đốc kinh doanh - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
T12/2006	Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn
T1/2007	Nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay : **Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc**  
tại Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **1.659.000** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **1.400** cổ phần, chiếm **0,01%** vốn điều lệ
- Đại diện : **1.657.600** cổ phần, chiếm **12,75%** vốn điều lệ (Đại diện cho Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn)

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan:

1. Mẹ chồng **Đoàn Thị Nga**, số CP nắm giữ 3.700 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

6. Bà: **Nguyễn Thị Kim Xuyên** – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : **Nữ**  
Ngày sinh : **25/08/1958**  
Nơi sinh : **Hà Nội**  
Số CMND : **024079428** cấp ngày **17/01/2003** tại **CA Tp.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **285/F2/15, Cách Mạng Tháng 8, P.12, Quận 10, Tp. HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **(08) 39951483 – 201**  
Trình độ chuyên môn : **Đại học ngành Kinh tế Thương nghiệp**  
Quá trình công tác

<b>Từ năm</b>	<b>Đến năm</b>	<b>Chức danh</b>
1995	1996	Trưởng trạm cung ứng – Công ty Visan
1997	Nay	Phó tổng Giám đốc – Ngân hàng Đông Á
T12/2006	Nay	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : **Thành viên Hội đồng quản trị**  
Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **276.625** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ
- Đại diện : **276.625** cổ phần, chiếm **2,13%** vốn điều lệ (Đại diện cho Ngân hàng TMCP Đông Á)

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

7. Ông: **Trần Phát Minh** – Thành viên Hội đồng quản trị

Giới tính : **Nam**

Ngày sinh : **12/08/1974**

Nơi sinh : **Sài Gòn**

Số CMND : **022776770** cấp ngày **03/11/2006** tại **CA Tp.HCM**

Quốc tịch : **Việt Nam**

Dân tộc : **Kinh**

Địa chỉ thường trú : **36 Trần Quý Cáp, Phường 11, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM**

Số điện thoại liên lạc : **0913661592**

Trình độ chuyên môn : **Đại học**

Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
1996	2004	Kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Phương Nam
2004	2005	Kế toán trưởng - Ngân hàng TMCP Phương Nam
2005	Nay	Phó Tổng Giám đốc - Ngân hàng TMCP Phương Nam
T4/2008	Nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : Thành viên Hội đồng quản trị

Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Nam**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **1.420.000** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ
- Đại diện : **1.420.000** cổ phần, chiếm **10,92%** vốn điều lệ (Đại diện cho Ngân hàng TMCP Phương Nam)

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

### 12.2. Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm 3 thành viên sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông: Phạm Mạnh Đức	Giám đốc
2.	Ông: Lê Trọng Hiếu	Phó Giám đốc
3.	Bà: Lê Thị Thanh Tâm	Phó Giám đốc

Lý lịch các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã được trình ở phần lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị

### 12.3. Ban kiểm soát

1. Bà: **Nguyễn Tú Anh** – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính : **Nữ**  
Ngày sinh : **07/05/1966**  
Nơi sinh : **Hải Phòng**  
Số CMND : **022714967** cấp ngày **11/07/2006** tại **CA Tp.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **109 Cư xá Trần Quang Diệu, Phường 14, Quận 3, Tp.HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **0913840893**  
Trình độ chuyên môn : **Cử nhân luật**  
Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
1989	1995	Chuyên viên pháp chế - Sở Giao thông công chánh
1995	2004	Chuyên viên thanh tra, pháp chế - Công ty cấp nước Thành phố
2004	2005	Phó phòng thanh tra pháp chế- Công ty cấp nước Thành phố
2006	2007	Quyền Trưởng phòng thanh tra pháp chế- Công ty cấp nước Thành phố
2007	Nay	Chuyên viên tổ thường trực HĐQT – Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
T12/2006	Nay	Trưởng ban kiểm soát – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : Trưởng ban kiểm soát – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Chuyên viên tổ thường trực HĐQT – Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **100** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **100** cổ phần, chiếm **0,001%** vốn điều lệ
- Đại diện : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

2. Bà: **Nguyễn Thị Minh Châu** – Thành viên ban kiểm soát

Giới tính : **Nữ**  
Ngày sinh : **22/04/1957**  
Nơi sinh : **Gia Định**  
Số CMND : **020634813** cấp ngày **04/11/1993** tại **CA Tp.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **225 Chung cư Bàu Cát 1, Phường 14, Quận Tân Bình, Tp.HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **01695221953**  
Trình độ chuyên môn : **Đại học**  
Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
T1/1981	T6/1997	Phòng kế toán tài chính Tổng công ty
T6/1997	Nay	Phòng kế hoạch – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn
T12/2006	Nay	Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần cấp nước Chợ



Tổ chức niêm yết : Lớn  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**  
Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **2.300** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **2.300** cổ phần, chiếm **0,02%** vốn điều lệ
- Đại diện : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

3. Ông: **Trần Đức Hùng** – Thành viên ban kiểm soát

Giới tính : **Nam**  
Ngày sinh : **10/01/1976**  
Nơi sinh : **Thành phố Hồ Chí Minh**  
Số CMND : **023231264** cấp ngày **09/04/1996** tại **CA Tp.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **57/3 Tổ 2, Khu Phố 5, Phường Phước Long B, Quận 9, Tp.HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **(08) 54095212 – 0903992753**  
Trình độ chuyên môn : **Kế toán**  
Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
2001	2003	Kế toán viên – Công ty TNHH TMDV Kim An
2003	2005	Kế toán tổng hợp – Công ty Daishin Việt Nam
2005	2009	Kế toán tổng hợp – Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn
2009	Nay	Trưởng ban Kế toán tài chính_Xí nghiệp cấp nước Trung An
T12/2006	Nay	Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Tổ chức niêm yết : Lớn  
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Trưởng ban tài chính kế toán – Xí nghiệp cấp nước Trung An.**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **0** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ
- Đại diện : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

4. Ông **Lê Hùng Cường** – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : **Nam**  
Ngày sinh : **13/03/1983**  
Nơi sinh : **Hà Nội**  
Số CMND : **012206941** cấp ngày **07/07/2005** tại **CA Hà Nội**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **248/28 Nguyễn Thái Bình, Quận Tân Bình, TP.HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **0909 230 553**



Trình độ chuyên môn : **Cao học Tài chính và Kinh tế quốc tế**  
Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
2009	Nay	Cán bộ đầu tư – Ngân hàng TMCP Đông Á
05/2010	Nay	Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn  
Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Cán bộ Đầu tư Ngân hàng Đông Á.**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **0** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ
- Đại diện : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

5. **Nguyễn Ngọc Tuấn** – Thành viên Ban kiểm soát

Giới tính : **Nam**  
Ngày sinh : **05/03/1961**  
Nơi sinh : **TP.HCM**  
Số CMND : **020525122** cấp ngày **31/10/2007** tại **CA TP.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **91 Đường số 24A KP2, P.Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, TP.HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **0976 227 229**  
Trình độ chuyên môn : **Cử nhân Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị**  
Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
1983	1984	Nhân viên Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Long An
1985	1986	Phó Phòng Kế hoạch Điều độ - Xí nghiệp Vận tải Ô tô Long An
1987	1990	Trưởng Phòng Kế hoạch Điều độ - Xí nghiệp Vận tải Ô tô Long An
1991	1992	Chuyên viên Cơ quan thường trực Thanh tra Nhà nước tại TP.HCM
1992	2008	Thanh tra viên, Thanh tra viên chính, Thư ký Phó Tổng Thanh tra – Cơ quan Thanh tra Nhà nước (nay là Thanh tra Chính phủ)
2008	2009	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ và pháp chế - Ngân hàng TMCP Phương Nam
2009	Nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Nam
05/2010	Nay	Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : Thành viên Ban kiểm soát – Công ty cổ phần Cấp nước Chợ Lớn  
Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Nam.**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **0** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ
- Đại diện : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**  
Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**  
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

#### 12.4. Kế toán trưởng

Bà: **Lại Thị Thu** – Kế toán trưởng

Giới tính : **Nữ**  
Ngày sinh : **21/07/1965**  
Nơi sinh : **Hà Đông**  
Số CMND : **021722742** cấp ngày **19/09/1995** tại **CA Tp.HCM**  
Quốc tịch : **Việt Nam**  
Dân tộc : **Kinh**  
Địa chỉ thường trú : **25 Bãi Sậy, Phường 13, Quận 5, Tp.HCM**  
Số điện thoại liên lạc : **0907938868**  
Trình độ chuyên môn : **Đại học Tài chính Kế toán**  
Quá trình công tác

Từ năm	Đến năm	Chức danh
T08/1985	1995	Nhân viên Nhà máy nước Thủ Đức
1995	2001	Cán sự - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2001	2004	Tổ trưởng tổ tài vụ - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2004	2006	Trưởng ban kế toán tài chính - Chi nhánh cấp nước Chợ Lớn
2007	Nay	Trưởng phòng kế toán tài chính – Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn

Chức vụ công tác hiện nay tại : **Kế toán trưởng**

Tổ chức niêm yết

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: **Không**

Số cổ phần hiện đang nắm giữ là: **8.500** cổ phần

Trong đó:

- Cá nhân : **8.500** cổ phần, chiếm **0,065%** vốn điều lệ
- Đại diện : **0** cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do Tôi đang sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

Số cổ phần của những người có liên quan: **Không**

Những khoản nợ đối với Công ty: **Không**

Lợi ích liên quan đối với Công ty: **Không**

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: **Không**

### 13. Tài sản

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

DVT: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% Tỷ lệ còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>323,609</b>	<b>204,886</b>	<b>118,723</b>	<b>36.7%</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	2,037	1,228	809	39.7%
Máy móc thiếu bị	1,526	1,379	147	9.6%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	316,469	200,353	116,116	36.7%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3,577	1,926	1,651	46.2%
<b>Tài sản cố định vô hình – phần mềm quản lý</b>	<b>453</b>	<b>308</b>	<b>145</b>	<b>32.0%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>324,062</b>	<b>205,194</b>	<b>118,868</b>	<b>36.7%</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 30/06/2010 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	% Tỷ lệ còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>343,070</b>	<b>216,608</b>	<b>126,462</b>	<b>36.9%</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	2,037	1,264	773	37.9%
Máy móc thiết bị	1,526	1,429	97	6.4%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	335,875	211,699	124,176	37.0%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3,632	2,216	1,416	39.0%
<b>Tài sản cố định vô hình – phần mềm quản lý</b>	<b>726</b>	<b>394</b>	<b>332</b>	<b>45.7%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>343,796</b>	<b>217,002</b>	<b>126,794</b>	<b>36.9%</b>

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC Quý II/2010

Danh mục một số đất đai Công ty đang quản lý sử dụng tại thời điểm 31/12/2009

STT	Địa chỉ	Mục đích sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Thời hạn Hợp đồng
1	Mặt bằng số 97 Phạm Hữu Chí, P.12, Q.5	Làm văn phòng	1.524	50 năm (từ 01/01/1996)

#### 14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2010	Năm 2011	% tăng giảm
Doanh thu thuần	Tr.đồng	455,038	509,219	11.91%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	16,700	20,000	19.76%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.67%	3.93%	7.02%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10.95%	11.74%	7.17%
Tỷ lệ cổ tức/cổ phiếu	%	10%	12%	20.00%

Nguồn: Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn

Một số căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

- Tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhân sự hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.
- Tiếp tục phát triển nâng cao hiệu quả công tác phát triển khách hàng, phối hợp phát triển mạng lưới, tập trung các khu dân cư mới như Quận Bình Tân, Huyện Bình Chánh.
- Lập kế hoạch và phân bổ công tác Xây dựng cơ bản theo từng Quý, từng giai đoạn, chủ động trong công tác lập hồ sơ và đẩy nhanh tiến độ thực hiện thi công, chú trọng đến công tác giám sát đúng khối lượng và chất lượng.

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ với các đơn vị đối tác có liên quan và địa phương để phối hợp thực hiện có hiệu quả.
- Năm 2010 giá nước cung cấp cho khách hàng tăng so với năm 2009 bình quân khoảng 50%.

**15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần chứng khoán Phương Đông (ORS) đã thu thập thông tin về tình hình hoạt động của công ty trong những năm qua và kế hoạch kinh doanh của năm tới, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu, phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang hoạt động. Đồng thời dựa trên năng lực hiện tại của Công ty cũng như mức tăng trưởng bình quân dự tính sắp tới của ngành, ORS nhận thấy kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tới có tính khả thi cao nếu không có những biến động ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư.

**16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**  
Không có

**17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết**  
Không có

**Phần V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

**1. Loại chứng khoán**

Toàn bộ loại chứng khoán niêm yết là cổ phiếu phổ thông;

**2. Mệnh giá**

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 (Mười ngàn) đồng/cổ phiếu;

**3. Tổng số chứng khoán niêm yết**

Tổng số cổ phiếu niêm yết là 13.000.000 (Mười ba triệu) cổ phiếu;

**4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết**

Theo nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007, cổ đông là Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu mà họ sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo. Tổng số cổ phiếu bị hạn chế trong trường hợp này là **2.022.652** cổ phần, chiếm **15,56%** vốn điều lệ Công ty. Thời gian bắt đầu hạn chế chuyển nhượng theo quy định nêu trên kể từ ngày cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

**Chi tiết số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày niêm yết**

STT	Họ và tên	Số cp sở hữu	Số Cp đại diện số hữu	Số cp hạn chế chuyển nhượng	Ghi chú
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>					
1	Trần Đình Phú (Chủ tịch HĐQT)	0	0	0	
2	Trần Phát Minh (*) (Ủy viên HĐQT)	0	1.420.000	1.420.000	
3	Trần Văn Châu (**) (Ủy viên HĐQT)	0	300.000	300.000	
4	Ng. Thị Kim Xuyên (***) (Ủy viên HĐQT)	0	276.652	276.652	
5	Phạm Mạnh Đức (UV.HĐQT kiêm Giám đốc)	13.000	0	13.000	
6	Lê Trọng Hiếu (UV.HĐQT kiêm P.Giám đốc)	800	0	800	
7	Lê Thị Thanh Tâm (UV.HĐQT kiêm P.Giám đốc)	1.400	0	1.400	
<b>BAN GIÁM ĐỐC</b>					
Ban giám đốc gồm: Phạm Mạnh Đức, Lê Trọng Hiếu, Lê Thị Thanh Tâm đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị nên số cổ phần do các thành viên này sở hữu hoặc đại diện đã trình bày ở phần Thành viên Hội đồng quản trị					
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>					
1	Nguyễn Tú Anh (Trưởng Ban Kiểm soát)	100	0	0	
2	Trần Đức Hùng (Ủy viên BKS)	0	0	0	
3	Ng. Thị Minh Châu (Ủy viên BKS)	2.300	0	2.300	
4	Nguyễn Ngọc Tuấn (Ủy viên BKS)	0	0	0	
5	Lê Hùng Cường (Ủy viên BKS)	0	0	0	
<b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>					
1	Lại Thị Thu (Kế toán trưởng)	8.500	0	8.500	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>26.100</b>	<b>1.996.652</b>	<b>2.022.752</b>	

(\*): Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của Ông Trần Phát Minh là 1.420.000 cổ phần,



Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện cho Ngân hàng TMCP Phương Nam: 1.420.000 cổ phần.

(\*\*): Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của Ông Trần Văn Châu là 300.000 cổ phần,

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện cho Công ty cổ phần Địa Ốc Chợ Lớn: 300.000 cổ phần.

(\*\*\*): Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng của Bà Nguyễn Thị Kim Xuyên là 276.652 cổ phần,

Trong đó: + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

+ Đại diện cho Ngân hàng TMCP Đông Á: 276.652 cổ phần.

## 5. Phương pháp tính giá

- Tính theo giá trị sổ sách

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Tổng tài sản} - (\text{Nợ phải trả} + \text{Nguồn kinh phí và quỹ khác})}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Giá trị sổ sách qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2008	31/12/2009
Tổng tài sản	Đồng	192.949.248.466	222.750.700.615
Nợ phải trả	Đồng	48.371.787.868	68.264.671.998
Nguồn kinh phí và quỹ khác	Đồng	884.752.776	762.434.729
Số cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	13.000.000	13.000.000
<b>Giá trị sổ sách</b>	<b>Đồng/cổ phiếu</b>	<b>11.053</b>	<b>11.825</b>

- Tính theo phương pháp P/B

Theo Phương pháp này, giá trị cổ phiếu của công ty cổ phần cấp nước Chợ Lớn được xác định theo công thức sau:

$$\text{Giá trị cổ phiếu} = \text{Giá trị sổ sách} \times \text{Chỉ số giá trên giá trị sổ sách bình quân của một số công ty trong ngành dịch vụ, tiện ích (P/B)}$$

Danh sách công ty được sử dụng để làm cơ sở so sánh:

STT	Mã	Tên công ty
1	KHP	Công ty cổ phần điện lực Khánh Hòa
2	SJD	Công ty cổ phần Thủy điện Cần Đơn
3	TBC	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Bà
4	TMP	Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
5	UIC	Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà và Đô Thị

Mã	Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2009 (đồng/cp)	Giá trị sổ sách tại ngày 31/03/2010 (đồng/cp)	P/B
KHP	12.248	13.100	1,07
SJD	15.232	19.700	1,29
TBC	12.392	16.600	1,34
TMP	12.139	16.100	1,33
UIC	16.024	20.500	1,28

P/B bình quân của các công ty trên là: **1,26**

Vậy giá cổ phiếu của Công ty = BV \* P/B = 11.825 \* 1,26 = **14.900** đồng/cổ phiếu

- Tính theo phương pháp P/E

Theo phương pháp này giá trị cổ phiếu = EPS \* P/E

$$\text{bản trên cổ phiếu)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Số cổ phiếu đang lưu hành}} = \frac{13.375.667.046}{13.000.000} = 1.029 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

P/E một số công ty trong ngành dịch vụ tiện ích như sau:

Mã	EPS bình quân 4 quý gần nhất	Giá trị sổ sách tại ngày 31/03/2010 (đồng/cp)	P/E
KHP	2.514	13.300	5,21
SJD	3.733	19.900	5,28
TBC	2.092	16.700	7,93
TMP	2.461	16.100	6,54
UIC	2.123	21.200	9,66

P/E bình quân của các công ty trên là: **7**

Vậy giá cổ phiếu của Công ty = EPS \* P/E = 1.029 \* 7 = **7.203** đồng/cổ phiếu

- Theo phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM)

$$PV = CF_t / (1+r)^t + [CF_n * (1+g)/(r-g)] / (1+r)^n$$

PV: Là giá cổ phiếu hiện tại

CF<sub>t</sub>: Là cổ tức/cổ phiếu qua các năm ( t = 1, 2, ..., n)

r: Là lãi suất chiết khấu hay tỷ lệ hoàn vốn của nhà đầu tư khi mua cổ phiếu. Tỷ lệ này được xác định bằng tỷ suất lợi nhuận thu được từ các khoản đầu tư không rủi ro (bằng lãi suất trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm phát hành đợt gần nhất) cộng (+) với tỷ lệ phụ phí rủi ro khi đầu tư.

g: là tốc độ tăng trưởng hàng năm của cổ tức

$$g = b * ROE$$

- b: Là tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn ( $b = 1 - \text{tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức}$ )
- ROE: tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (có thể được tính bình quân từ năm 2009 đến 2012)
- n: số năm tài chính theo kế hoạch
- Giả định công ty đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, chia cổ tức theo như kế hoạch
- Tỷ lệ chiết khấu  $r = 14\%/năm$
- Tốc độ tăng trưởng của công ty là  $g = 7\%/năm$

Tỷ lệ cổ tức	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tỷ lệ cổ tức/cổ phiếu	10,00 %	12,00%	13,00%
Cổ tức chi trả hàng năm (đồng)	1.000	1.200	1.300
Giá trị thanh lý năm 2012 (đồng)			19.871
<b>Cộng (đồng)</b>	<b>1.000</b>	<b>1.200</b>	<b>21.171</b>
Giá trị hiện tại của dòng tiền (đồng)	877	923	14.290
<b>Giá trị cổ phần (đồng)</b>	<b>16.091</b>		

## 6. Giá niêm yết dự kiến

Theo các phương pháp tính giá nêu trên, Công ty dự kiến niêm yết với giá tham chiếu ngày đầu tiên giao dịch là: **12.500** đồng/cổ phiếu.

Các phương pháp tính giá	Giá cổ phiếu (đồng/cp)	Tỷ trọng	Giá bình quân (đồng/cp)
P/B	14.900	35%	5.215
P/E	7.203	35%	2.521
DDM	16.092	30%	4.828
<b>Giá bình quân</b>			<b>12.564</b>

## 7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Khi cổ phiếu của công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thì các cổ đông nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phiếu theo các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tuy nhiên, theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 14/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định nhà đầu tư nước ngoài được phép mua, bán chứng khoán tại thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa **49%** tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng.

Tính đến ngày 15/10/2009, tỷ lệ cổ phần của cổ đông nước ngoài tại công ty là **0%**.

## 8. Các loại thuế có liên quan

- Theo thông tư 134/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính, đối với hoạt động chính của Công ty thuộc danh mục ngành nghề được ưu đãi đầu tư, do đó công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế trong thời gian 10 năm và với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo, năm 2007 là năm đầu tiên công ty hoạt động có lãi.
- Thuế giá trị gia tăng: Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5% cho hoạt động cung cấp nước và 10% đối với hoạt động lắp đặt, di dời đồng hồ nước và các dịch vụ khác.
- Thuế thu nhập cá nhân liên quan đến chứng khoán: Theo quy định tại Khoản 3.b, Khoản 4.b, Khoản 9 Khoản 10 Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân, thu nhập từ cổ tức, chuyển nhượng chứng khoán, nhận thừa kế, quà tặng là chứng khoán thuộc thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân.

### ***Đối với thu nhập từ cổ tức***

Theo Quy định Khoản 1 Điều 7 Thông tư 62/2009/TT-BTC ngày 27/03/2009 hướng dẫn sửa đổi Thông tư 84/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều của Luật thuế thu nhập cá nhân: Cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc nhận cổ phiếu thưởng chưa phải nộp thuế thu nhập cá nhân khi nhận cổ phiếu. Khi chuyển nhượng cổ phiếu, cá nhân phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và thu nhập từ đầu tư vốn.

Căn cứ xác định số thuế thu nhập cá nhân phải nộp là giá thực tế tại thời điểm chuyển nhượng và thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

### ***Đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán***

Khoản 1 Điều 16 Nghị định 100/2008/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số Điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm cả chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu, thu nhập được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng chứng khoán.

Theo Khoản 2 Điều 17 Nghị định 100, Thuế suất áp dụng là 20% trên tổng thu nhập tính thuế cả năm hoặc 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Đối với nhà đầu tư cá nhân không thường trú tại Việt Nam thì thuế suất áp dụng là 0,1% trên từng lần chuyển nhượng.

### ***Đối với thừa kế quà tặng là chứng khoán***

Theo quy định tại Khoản 1.4 Điều 7 Mục II Thông tư 84/2008/TT-BTC, thu nhập để tính thuế chứng khoán là giá trị chứng khoán tại thời điểm chuyển quyền sở hữu. Theo Quy định tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư 84/2008/TT-BTC thì thuế suất áp dụng là 10%.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan đến chứng khoán: Theo Quy định tại Điểm 1.2 Phần E Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số chứng khoán của doanh nghiệp đã tham gia đầu tư chứng khoán cho một hoặc nhiều tổ chức cá nhân khác.

Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ (-) giá mua chứng khoán chuyển nhượng, trừ (-) các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Điểm 2.2 Thông tư 130/2008/TT-BTC thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với chuyển nhượng chứng khoán là 25%.

***Đối với doanh nghiệp thành lập theo Luật Việt Nam***

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất TNDN}$$

***Đối với tổ chức nước ngoài***

Theo quy định tại Điều 1 Thông tư 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 sửa đổi bổ sung Thông tư 100/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và thuế TNDN đối với lĩnh vực chứng khoán, Các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán 0,1% trên tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.

- Quy định về giãn thời gian nộp thuế thu nhập cá nhân: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 1, Khoản 1 Điều 2 Thông tư 27/2009/TT-BTC ngày 06/02/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc giãn thời hạn nộp thuế thu nhập cá nhân, cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán thuộc đối tượng được giãn nộp thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến 31/05/2009.
- Theo quy định tại Điều 1 Thông tư 160/2009/TT-BTC ngày 12/08/2009 Hướng dẫn miễn thuế thu nhập cá nhân năm 2009 theo Nghị quyết số 32/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội, đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 31/12/2009 bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập từ đầu tư vốn; từ chuyển nhượng vốn (bao gồm cả chuyển nhượng chứng khoán); từ bản quyền; từ nhượng quyền thương mại.



**Phần VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT****1. Tổ chức Tư vấn****CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)****Hội sở**

Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình Quận 1, Tp. HCM  
Điện thoại : (84-8) 39 144 290 Fax: (84-8) 39 142 295  
E-mail : [ors@ors.com.vn](mailto:ors@ors.com.vn) Website: [www.ors.com.vn](http://www.ors.com.vn)

**Chi nhánh Cần Thơ**

Địa chỉ : 25 Châu Văn Liêm, Q.Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
Điện thoại : (84-0710) 3 817 828 Fax: (84-0710) 3817829

**Chi nhánh Tân Bình**

Địa chỉ : 435G-H (Lầu 1) Hoàng Văn Thụ - P.4 - Q.Tân Bình – Tp. HCM  
Điện thoại : (84-8) 38 118 924 Fax: (84-8) 38 118 927

**Chi nhánh Gia Định**

Địa chỉ : 24C Phan Đăng Lưu, P.6, Q. Bình Thạnh, TP.HCM  
Điện thoại : (84-8) 35 515 616 Fax: (84-8) 35 515 615

**Chi nhánh Đồng Biên - Biên Hòa**

Địa chỉ : 72/15 Đồng Khởi, P.Tam Hiệp, Tp. Biên Hòa  
Điện thoại : (84-61) 8 878 073 Fax: (84-61) 8 878 075

**Chi nhánh Hà Nội**

Địa chỉ : 260 - 262 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội  
Điện thoại : (84-4) 39 726 165 Fax: (84-4) 39 726 165

**2. Tổ chức Kiểm toán**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Địa chỉ: 229 Đồng Khởi, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38 272 295 Fax: (84-8)38 272 300

## PHỤ LỤC

Phụ lục 1	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
Phụ lục 2	Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
Phụ lục 3	Báo cáo kiểm toán năm 2008, năm 2009, BCTC Quý II/2010
Phụ lục 4	Thư giải trình ý kiến hạn chế của Kiểm toán viên
Phụ lục 5	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết
Phụ lục 6	Danh sách và sơ yếu lý lịch của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng
Phụ lục 7	Các tài liệu liên quan khác



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, NGÀY 10 THÁNG 09 NĂM 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CHỢ LỚN**

GIÁM ĐỐC



PHẠM MẠNH ĐỨC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN ĐÌNH PHÚ

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



NGUYỄN TÚ ANH

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LẠI THỊ THU

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG (ORS)  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



VŨ HỒNG HẠNH